

Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI PHÍ TRỒNG RỪNG HÀNG NĂM, GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Đơn vị	Dự toán chi phí trồng rừng giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)																							Ghi chú	
		Năm 2026				Năm 2027				Năm 2028				Năm 2029				Năm 2030				Tổng giai đoạn 2026-2030				
		Tổng	Rừng ĐD	Rừng PH	Rừng SX	Tổng	Rừng ĐD	Rừng PH	Rừng SX	Tổng	Rừng ĐD	Rừng PH	Rừng SX	Tổng	Rừng ĐD	Rừng PH	Rừng SX	Tổng	Rừng ĐD	Rừng PH	Rừng SX	Tổng	Rừng ĐD	Rừng PH		Rừng SX
I	Hạt Kiểm lâm khu vực Buôn Ma Thuột quản lý	16.909	0	0	16.909	16.141	0	0	16.141	17.166	0	0	17.166	17.166	0	0	17.166	16.909	0	0	16.909	84.290	0	0	84.290	
1	UBND xã Dray Bhăng	1.281		0	1.281	1.281		0	1.281	1.281		0	1.281	1.281		0	1.281	1.281		0	1.281	6.405	0	0	6.405	
2	UBND xã Ea Ning	1.025		0	1.025	1.025		0	1.025	1.537		0	1.537	1.922		0	1.922	1.922		0	1.922	7.430	0	0	7.430	
3	UBND xã Ea Ktur	512		0	512	512		0	512	512		0	512	512		0	512	512		0	512	2.562			2.562	
4	UBND xã Tân Tiến	897		0	897	128		0	128	641		0	641	256		0	256	0		0	0	1.922			1.922	
5	UBND xã Hòa Phú	128		0	128	128		0	128	128		0	128	128		0	128	128		0	128	641			641	
6	UBND phường Thành Nhất	128		0	128	128		0	128	128		0	128	128		0	128	128		0	128	641			641	
7	UBND phường Ea Kao	128		0	128	128		0	128	128		0	128	128		0	128	128		0	128	641			641	
8	CT TNHH HTV LN Phước An	12.810	0	0	12.810	12.810	0	0	12.810	12.810	0	0	12.810	12.810	0	0	12.810	12.810	0	0	12.810	64.051	0	0	64.051	
II	Hạt Kiểm lâm khu vực Ea Kar quản lý	28.182	0	0	28.182	28.182	0	0	28.182	28.182	0	0	28.182	28.182	0	0	28.182	28.182	0	0	28.182	140.911	0	0	140.911	
1	Công ty TNHH MTV LN Ea Kar	28.182		0	28.182	28.182		0	28.182	28.182		0	28.182	28.182		0	28.182	28.182		0	28.182	140.911			140.911	
III	Hạt Kiểm lâm khu vực M'Drắk	174.602	-	0	174.602	170.118	-	0	170.118	172.168	-	0	172.168	172.424	-	0	172.424	165.506	-	0	165.506	854.818	-	-	854.818	
1	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp M'Drắk	17.037		0	17.037	12.554		0	12.554	14.604		0	14.604	14.860		0	14.860	14.347		0	14.347	73.402	-	-	73.402	
2	Các hộ gia đình	157.564	-	0	157.564	157.564	-	0	157.564	157.564	-	0	157.564	157.564	-	0	157.564	151.159	-	0	151.159	781.416	-	-	781.416	
2.1	Xã M'Drắk (hộ cá nhân, gia đình)	38.430	-	0	38.430	38.430	-	0	38.430	38.430	-	0	38.430	38.430	-	0	38.430	38.430	-	0	38.430	192.152	-	-	192.152	
2.2	Xã Cư Prao (hộ cá nhân, gia đình)	2.562	-	0	2.562	2.562	-	0	2.562	2.562	-	0	2.562	2.562	-	0	2.562	2.562	-	0	2.562	12.810	-	-	12.810	
2.3	Xã Krông Á (hộ cá nhân, gia đình)	25.620	-	0	25.620	25.620	-	0	25.620	25.620	-	0	25.620	25.620	-	0	25.620	25.620	-	0	25.620	128.101	-	-	128.101	
2.4	Xã Ea Trang (hộ cá nhân, gia đình)	20.496	-	0	20.496	20.496	-	0	20.496	20.496	-	0	20.496	20.496	-	0	20.496	20.496	-	0	20.496	102.481	-	-	102.481	
2.5	Xã Cư M'ta (hộ cá nhân, gia đình)	32.025	-	0	32.025	32.025	-	0	32.025	32.025	-	0	32.025	32.025	-	0	32.025	25.620	-	0	25.620	153.721	-	-	153.721	
2.6	Xã Ea Riêng (hộ cá nhân, gia đình)	38.430	-	0	38.430	38.430	-	0	38.430	38.430	-	0	38.430	38.430	-	0	38.430	38.430	-	0	38.430	192.152	-	-	192.152	
IV	Hạt Kiểm lâm khu vực Lắk	19.561	0	0	19.561	32.492	0	0	32.492	40.992	0	0	40.992	40.992	0	0	40.992	30.493	0	0	30.493	164.530	0	0	164.530	
1	Xã Dư Kmal	2.562		0	2.562	2.562		0	2.562	2.562		0	2.562	2.562		0	2.562	2.562		0	2.562	12.810			12.810	
2	CT CP TĐ Tân Mai	16.999		0	16.999	29.930		0	29.930	38.430		0	38.430	38.430		0	38.430	27.931		0	27.931	151.720			151.720	
V	Hạt Kiểm lâm khu vực Krông Bông	6.405	0	0	6.405	12.810	0	0	12.810	25.620	0	0	25.620	25.620	0	0	25.620	15.372	0	0	15.372	85.828	0	0	85.828	
1	Công ty TNHH MTV LN Krông Bông	6.405		0	6.405	12.810		0	12.810	25.620		0	25.620	25.620		0	25.620	15.372		0	15.372	85.828	0	0	85.828	
VI	Hạt Kiểm lâm khu vực Buôn Đôn	11.785	0	128	11.657	12.938	0	64	12.874	11.529	0	0	11.529	1.281	0	0	1.281	1.281	0	0	1.281	38.815	0	192	38.622	
1	UBND xã Quảng Phú	256		128	128	128		64	64	0		0	0	0		0	0	0		0	0	384	0	192,2	192,2	
VII	Hạt Kiểm lâm khu vực Ea Súp	11.529	0	0	11.529	12.170	0	0	12.170	10.889	0	0	10.889	641	0	0	641	641	0	0	641	35.868	0	0	35.868	
1	Công ty TNHH Vĩnh Hoa	0		0	0	641		0	641	641		0	641	641		0	641	641		0	641	2.562	-	-	2.562	
2	Công ty Cổ phần Bảo Ngọc	0		0	0	1.281		0	1.281	0		0	0	0		0	0	0		0	0	1.281	0	0	1.281	
3	Công ty TNHH MTV TM Phước Lợi	7.686		0	7.686	7.686		0	7.686	7.686		0	7.686	0		0	0	0		0	0	23.058	0	0	23.058	
4	Công ty TNHH TM-DV Vĩnh Tiến	3.843		0	3.843	2.562		0	2.562	2.562		0	2.562	0		0	0	0		0	0	8.967	0	0	8.967	
VIII	Hạt Kiểm lâm khu vực Ea Hleo	384	0	0	384	384	0	0	384	384	0	0	384	384	0	0	384	384	0	0	384	15	0	0	15	0
1	Xã Ea H'leo	384		0	384	384		0	384	384		0	384	384		0	384	384		0	384	15,00			15,00	
IX	Hạt Kiểm lâm khu vực Tây Hòa	26.850	0,00	5.538	21.312	26.945	0,00	6.226	20.719	9.408	0,00	0	9.408	16.282	0,00	0	16.282	0	0,00	0	0	79.484,11	0,00	11.763,51	67.720,59	

STT	Đơn vị	Dự toán chi phí trồng rừng giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)																								Ghi chú
		Năm 2026				Năm 2027				Năm 2028				Năm 2029				Năm 2030				Tổng giai đoạn 2026-2030				
		Tổng	Rừng ĐD	Rừng PH	Rừng SX	Tổng	Rừng ĐD	Rừng PH	Rừng SX	Tổng	Rừng ĐD	Rừng PH	Rừng SX	Tổng	Rừng ĐD	Rừng PH	Rừng SX	Tổng	Rừng ĐD	Rừng PH	Rừng SX	Tổng	Rừng ĐD	Rừng PH	Rừng SX	
1	Công ty TNHH trồng rừng Trường Thành OJI	11.273		0	11.273	0		0	0	0		0	0	0		0	0	0		0	0	11.272,89			11.272,89	
2	Công ty cổ phần Trường Thành Xanh	0		0	0	0		0	0	0		0	0	3.472		0	3.472	0		0	0	3.471,54			3.471,54	
3	Ban quản lý RPH Tây Hòa	4.740		0	4.740	9.608		0	9.608	5.765		0	5.765	12.810		0	12.810	0		0	0	32.921,96	0,00	0,00	32.921,96	
4	Ban quản lý RPH Sông Hinh	10.837		5.538	5.300	17.337		6.226	11.111	3.643		0	3.643	0		0	0	0		0	0	31.817,73	0,00	11.763,51	20.054,21	
X	Hạt Kiểm lâm khu vực Đồng Xuân	441.946	0,00	33.560	408.386	441.946	0,00	33.560	408.386	432.725	0,00	12.810	419.915	440.411	0,00	12.810	427.601	426.320	0,00	0	426.320	2.183.348,32	0,00	92.740,00	2.090.608,32	
1	BQL rừng phòng hộ Đồng Xuân	20.750		20.750	0	20.750		20.750	0	62.727		0	62.727	76.918		0	76.918	0		0	0	181.145,06	0,00	41.499,60	139.645,46	
2	BQL rừng phòng hộ Sông Cầu	38.430		12.810	25.620	51.240		12.810	38.430	51.240		12.810	38.430	51.240		12.810	38.430	25.620		0	25.620	217.771,70	0,00	51.240,40	166.531,30	
3	Công ty TNHH Cao Nguyên Lâm	20.496		0	20.496	0		0	0	0		0	0	0		0	0	0		0	0	20.496,16	0,00	0,00	20.496,16	
4	Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	33.396		0	33.396	0		0	0	19.868		0	19.868	45.463		0	45.463	22.072		0	22.072	120.799,24	0,00	0,00	120.799,24	
5	Công ty TNHH Bình Nam	88.026		0	88.026	35.638		0	35.638	44.071		0	44.071	30.921		0	30.921	61.254		0	61.254	259.909,24	0,00	0,00	259.909,24	
6	Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên	89.671		0	89.671	0		0	0	0		0	0	0		0	0	12.810		0	12.810	102.480,80	0,00	0,00	102.480,80	
7	Các hộ gia đình	151.177		0	151.177	334.318		0	334.318	254.819		0	254.819	235.869		0	235.869	304.564		0	304.564	1.280.746,11	0,00	0,00	1.280.746,11	
	Tổng	#####	-	####	#####	#####	-	####	#####	#####	-	####	#####	#####	-	####	#####	#####	-	-	#####	3.667.908	-	104.696	3.563.212	